

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 9 năm 2026

(Kèm theo báo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 9 năm 2026)

ĐVT: đồng																					
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	% Phụ cấp TNVK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản		Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú	
												Lương	PCCV			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)			
A	B	C	1	2	6	8	9	10	11	12	13	14	15	17=(14+15+16)	18	20	22	24	26	D	
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2			60%	3,70	10,06	23.531.040			0	44.571	1.153.152	216.216	144.144	21.972.956	P 2 ngày	
2	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	3,00	0,3	0,2		0,00	60%	1,98	5,48	12.823.200			0	55.714	617.760	115.830	77.220	11.956.676	P 2,5 ngày	
3	Trương Việt Nhân	V.08.01.03	3,33	0,3	0,2		0,00	60%	2,18	6,01	14.058.720			0	0	679.536	127.413	84.942	13.166.830	Tăng lương	
4	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2	16%	0,65	60%	2,83	7,74	18.100.742			0	22.286	881.637	165.307	110.205	16.921.307	P 1 ngày	
5	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,98				0,00	40%	1,99	6,97	16.314.480			0	0	932.256	174.798	116.532	15.090.894		
6	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66				0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160			0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898		
7	Võ Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2		0,00	60%	2,39	6,58	15.406.560			0	111.429	746.928	140.049	93.366	14.314.788	P 5 ngày	
8	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,96		0,2		0,00	60%	2,38	6,54	15.294.240			0	122.571	741.312	138.996	92.664	14.198.697	P 5,5 ngày	
9	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,65				0,00	0%	0,00	3,65	8.541.000			0	0	683.280	128.115	85.410	7.644.195		
10	Huỳnh Thị Bông	V.08.03.07	2,67		0,2		0,00	60%	1,60	4,47	10.464.480			0	33.429	499.824	93.717	62.478	9.775.032	P 1,5 ngày	
11	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,33		0,4		0,00	70%	2,33	6,06	14.182.740	1.623.375		1.623.375	222.857	623.376	116.883	77.922	11.518.327	Ở 5 ngày, Luân phiên về TYT	
12	Trương Thị Linh Huệ	V.08.06.16	3,00				0,00	40%	1,20	4,20	9.828.000			0	0	561.600	105.300	70.200	9.090.900		
13	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66				0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160			0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898		
14	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2		0,00	60%	1,82	5,05	11.812.320			0	66.857	567.216	106.353	70.902	11.000.992	P 3 ngày	
15	Hứa Thị Thanh	V.08.02.06					0,00	70%	0,00	0,00	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ thai sản	
16	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33				0,00	40%	1,33	4,66	10.909.080			0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899		
17	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,67				0,00	40%	1,07	3,74	8.746.920			0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	Tăng lương	
18	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12					0,00	40%	0,00	0,00	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ thai sản	
19	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,67				0,00	40%	1,07	3,74	8.746.920			0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901		
20	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	3,06				0,00	40%	1,22	4,28	10.024.560			0	0	572.832	107.406	71.604	9.272.718	Tăng lương	
	Tổng cộng		63,810	1,0	2,0		0,650		32,0128	99,47	232.765.322	1.623.375	0	1.623.375	679.714	12.254.037	2.297.632	1.531.755	214.378.809		

Tổng số tiền bằng chữ : Hai trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm lẻ chín đồng chẵn.